

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc
phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 885/TTr-STNMT ngày 25/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông công khai thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; tổ chức thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương công khai, thực hiện thủ tục hành chính nội bộ đảm bảo đúng quy định; tổ chức rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thành trước ngày 15/01/2025.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Tài chính, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC, (1b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN	
1	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình chodịa phương nơi có khoáng sản được khai thác.	Sở Tài chính
2	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sảnchưa khai thác trên địa bàn địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường
II	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
1	Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	

STT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành.	Sở Giao thông vận tải
IV	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ	
1	Đi dờ, phách dờ mớ cớ đo đạc.	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Tiêu huỷ thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
V	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
1	Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC	Ghi chú
1	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.	UBND cấp huyện
2	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh	UBND cấp xã

Phần II

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

1. Thủ tục: Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan căn cứ thực tế nguồn thu hàng năm từ hoạt động khai thác khoáng sản tham mưu cho UBND tỉnh Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản.

+ Bước 2: UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản.

+ Bước 3: Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh Hải Dương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của HĐND tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

2. Thủ tục: Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thành phố đề xuất Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo định mức chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn.

+ Bước 2: UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của các huyện, thị xã, thành phố và lập Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh.

+ Bước 4: UBND tỉnh xem xét phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hải Dương của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Thủ tục: Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ Khoản 2 Điều 6 Luật Tài nguyên nước chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và UBND cấp huyện xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục

hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra

Bước 2: Sau khi hoàn thành nội dung tại bước 1, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương.
- + Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương và UBND cấp huyện.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2 Điều 6 Luật Tài nguyên nước.

2. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất kinh phí cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Bước 2: Sau khi có kinh phí được cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; sau khi hoàn thiện Kế hoạch, gửi lấy ý kiến của các Sở: Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Bước 3: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, , Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương được UBND tỉnh ban hành

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước.

3. Thủ tục: Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

3.1. Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

+ Bước 2: Sau khi lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; hoàn thiện hồ sơ Danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

+ Bước 4: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên công thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

+ Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

3.2 Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh.

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện danh mục, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

+ Bước 4: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
 - + Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
 - + Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;
 - + Tài liệu khác có liên quan.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.
- + Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4. Thủ tục: Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ Khoản 7 Điều 24 Luật Tài nguyên nước và Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung tại bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh; tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

+ Bước 3: Sau khi có ý kiến của Cục Quản lý Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình nội dung góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

+ Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

+ Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

+ Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

+ Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 7 Điều 24 Luật Tài nguyên nước; Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5. Thủ tục: Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất kinh phí cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

+ Bước 2: Căn cứ kinh phí được cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; sau khi hoàn thiện dự thảo kế hoạch, gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

+ Bước 3: Sau khi có ý kiến của các đơn vị, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

+ Bước 4: Sau khi có ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

+ Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước.

6. Thủ tục: Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung tại bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

+ Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Bước 4: Sau khi nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

+ Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình, gửi văn bản xin ý kiến của các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương liên hệ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

+ Bước 7: Sau khi có ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Bước 8: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

+ Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt. Nội dung chính của Tờ trình gồm: Quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

+ Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

+ Thời gian lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Thủ tục: Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định các khu vực nguồn nước dưới đất đã phục hồi để đưa khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

+ Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định các vị trí đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước.

8. Thủ tục: Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản phù hợp với kịch bản nguồn nước và trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Bước 2: UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước được UBND tỉnh ban hành.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

+ Hiện trạng nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa thủy điện;

+ Kế hoạch sản xuất và nhu cầu khai thác, sử dụng nước của công trình theo từng tháng, thời kỳ trong năm phù hợp với trạng thái nguồn nước được công bố;

+ Kế hoạch ứng phó với từng trạng thái thiếu hụt của nguồn nước theo kịch bản nguồn nước được công bố, trong đó gồm: kế hoạch cấp nước dự phòng, ứng phó với trạng thái thiếu hụt của nguồn nước; kế hoạch sản xuất điện; kế hoạch chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, giảm diện tích gieo trồng phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước.

9. Thủ tục: Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý cần phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành;

+ Bước 2: UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh;

+ Bước 3: Sau khi có ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thành phố; trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

+ Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ trình ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh bao gồm: tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xây dựng đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh; gửi văn bản lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu cần thiết); tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thành phố và chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh ban hành

+ Bước 3: UBND phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình ban hành Quyết định phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh bao gồm: tờ trình; dự thảo Đề án; dự thảo quyết định phê duyệt Đề án; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điểm b, c, d khoản 2 Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 124 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại môi trường đất và xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

+ Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành có liên quan và tiếp thu, chỉnh sửa, tổng hợp ý kiến góp ý và đề nghị UBND tỉnh ban hành phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

+ Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn bao gồm: tờ trình; dự thảo phương án; dự thảo quyết định phê duyệt phương án.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung: 1. Điều tra, đánh giá các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; 2. Xác định mục tiêu bảo vệ môi trường đối với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; 3. Xác định phương án về vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

Bước 2: Sau khi hoàn thiện nội dung bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố; tiếp thu, chỉnh sửa, tổng hợp ý kiến góp ý; đề nghị UBND tỉnh ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Bước 3: Trình UBND phê duyệt xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

- Thời gian thực hiện: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề; cơ sở, hộ gia đình không thực hiện kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề và các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Bước 2: UBND cấp huyện tổng hợp danh sách cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề; cơ sở, hộ gia đình không thực hiện kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề và các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản

4 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và báo cáo UBND cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét nội dung đề nghị của UBND cấp huyện.

Bước 4: Căn cứ nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét nội dung đề nghị của UBND cấp huyện và đề nghị UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Bước 5: UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan điều tra, xây dựng Kế hoạch lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn tỉnh.

Bước 2: Sau khi hoàn thiện các nội dung tại bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và Bộ Tài nguyên

và Môi trường; tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thành phố; đề nghị UBND tỉnh ban hành Kế hoạch lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn tỉnh.

Bước 3: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình ban hành Kế hoạch lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn tỉnh bao gồm: tờ trình; dự thảo Quyết định, báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan thực hiện các nội dung:

+ Tổ chức điều tra, đánh giá các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

+ Xác định mục tiêu bảo vệ môi trường đối với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

+ Xác định phương án về vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

Bước 2: Sau khi hoàn thiện các nội dung tại bước 1, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; tổng hợp, tiếp thu,

chỉnh sửa các ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thành phố và đề nghị UBND tỉnh ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Bước 3: UBND tỉnh ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch bao gồm: tờ trình; dự thảo Quyết định, báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Quyết định; các kết quả điều tra.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xây dựng Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

Bước 2: Sau khi hoàn thiện dự thảo kế hoạch, Sở Giao thông Vận tải tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành có liên quan và tiếp thu, chỉnh sửa, tổng hợp ý kiến góp ý; đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

Bước 3: UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

Bước 4: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều

hành tinh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường bao gồm: tờ trình; dự thảo Nghị quyết kèm kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của HĐND tỉnh

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trên cơ sở Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn được ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- Bước 2: Sau khi hoàn thiện kế hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đối với dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh; Chính sự thảo luận dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh theo ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.

- Bước 3: Sau khi tổ chức lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 4: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ trình ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh bao gồm: tờ trình; dự thảo Kế hoạch; dự thảo quyết định phê duyệt Kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan, bộ ngành có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- e) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND tỉnh.
- g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của UBND tỉnh.
- h) **Phí, lệ phí:** Không quy định.
- i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 3 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

IV. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ

1. Thủ tục: Di dời, phá dỡ mốc đo đạc

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cơ quan quản lý mốc đo đạc chuyên ngành báo cáo việc yêu cầu di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí tới Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời.

+ Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý.

+ Bước 3: Khi được UBND tỉnh chấp thuận di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Bước 4: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán.

+ Bước 5: Tổ chức triển khai thực hiện việc di dời mốc đo đạc sau khi được phê duyệt.

+ Bước 6: Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019.

b) Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp trong giờ hành chính các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Thiết kế kỹ thuật – dự toán.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản bàn giao danh sách mốc đo đạc, Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc (Mẫu số 04 và mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về phân cấp quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Thủ tục: Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cơ quan, tổ chức có thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ giao nộp thông báo (*bằng văn bản*) cho Trung tâm Công nghệ thông tin (*cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường*) về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

+ Bước 2: Trung tâm Công nghệ thông tin sau khi nhận được thông báo của cơ quan, tổ chức giao nộp có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

+ Bước 3: Trung tâm Công nghệ thông tin tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

b) Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp tại Trung tâm Công nghệ thông tin trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (*trừ ngày lễ, ngày nghỉ*).

+ Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản Thông báo; Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ giao nộp được quy định tại các điểm a, c, d, đ và i khoản 2 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức có thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ giao nộp (*Chủ đầu tư dự án, đề án*).

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ (Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 06 Phụ lục I: Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện bằng ngân sách nhà nước. Sản phẩm giao nộp phải được cấp có thẩm quyền kiểm tra, đảm bảo chất lượng, quy cách sản phẩm theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành giao nộp vào lưu trữ cơ quan; thời hạn giao nộp không quá 30 ngày kể từ ngày thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được nghiệm thu cấp chủ đầu tư.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của [Luật Đo đạc và bản đồ](#);

+ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [27/2019/NĐ-CP](#).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC
VÀ BẢN ĐỒ

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại: (trụ sở đơn vị tiếp nhận),
chúng tôi gồm:

BÊN GIAO:.....

Đại diện là ông (bà):.....

Chức vụ:

BÊN NHẬN:

Đại diện là ông (bà):.....

Chức vụ:

Đã thực hiện việc giao - nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của dự án (đề án), cụ thể như sau:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

3. Thủ tục: Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Hàng năm Trung tâm Công nghệ Thông tin (cơ quan lưu trữ) lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy, gửi Sở Tài nguyên và môi trường.

+ Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình kèm theo danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng gửi UBND tỉnh ~~xem xét, quyết định~~ đề nghị tiêu hủy.

+ Bước 3: Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của UBND tỉnh về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

+ Bước 4: Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ tổ chức lập biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý Nhà nước về lưu trữ (Sở Nội vụ);

+ Bước 5: Sở Nội vụ ~~thẩm định nội dung~~ đề nghị tiêu hủy thông tin dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Bước 6: Sau khi có Văn bản thẩm định của cơ quan quản lý Nhà nước về lưu trữ (Sở Nội vụ); Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của cơ quan quản lý.

+ Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp: Trung tâm Công nghệ thông tin gửi danh mục thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy gửi Sở Tài nguyên và môi trường trong giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (*trừ ngày lễ, ngày nghỉ*).

- Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn thực hiện: không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của UBND tỉnh và Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ quy định thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc lưu trữ cơ quan được tiêu hủy khi đã lưu trữ ít nhất là 10 năm, đã có thông tin, dữ liệu sản phẩm mới thay thế và không còn giá trị sử dụng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 19 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của [Luật Đo đạc và bản đồ](#); Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [27/2019/NĐ-CP](#).

V. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Thủ tục: Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Lập dự thảo kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

+ Bước 2: Lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố.

+ Bước 3: Tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thị, thành phố.

Bước 3.1: Tổng hợp phiếu ý kiến, trình lãnh đạo cơ quan phụ trách nhiệm vụ xem xét.

Bước 3.2: Xem xét phiếu tổng hợp, giải trình.

+ Bước 4: Tờ trình đề nghị phê duyệt và Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch lên cơ quan quản lý và ký duyệt Tờ trình.

+ Bước 5: Quyết định phê duyệt Kế hoạch điều tra thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng đường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đề xuất kế hoạch thu thập thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

- Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục: Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

a) Trình tự thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp với các Phòng, đơn vị liên quan Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Thủ tục: Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có làng nghề Lập phương án bảo vệ môi trường làng nghề và trình UBND cấp huyện nơi có làng nghề phê duyệt. Nội dung của phương án bảo vệ môi trường làng nghề được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bước 2: Căn cứ nội dung phương án bảo vệ môi trường làng nghề do UBND cấp xã trình, Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan nghiên cứu, xem xét cho ý kiến đối với phương án. Trường hợp phương án đạt yêu cầu, dự thảo Quyết định trình UBND huyện phê duyệt; trường hợp phương án chưa đạt yêu cầu, tham mưu UBND huyện có văn bản gửi UBND xã và nêu rõ lý do.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có làng nghề Phê duyệt duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề do UBND cấp xã trình.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã trên địa bàn của huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.